

Số: 84 /KH-UBND

Hải Phòng, ngày 14 tháng 3 năm 2023

## **KẾ HOẠCH**

### **Tình giảm biên chế của thành phố Hải Phòng giai đoạn 2022-2026**

Thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tình giảm biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (sau đây gọi tắt là *Kết luận số 28-KL/TW*); Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026 (sau đây gọi tắt là *Kết luận số 40-KL/TW*); Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế trong hệ thống chính trị (sau đây gọi tắt là *Quy định số 70-QĐ/TW*); Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về tổng biên chế của cả hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 (sau đây gọi tắt là *Quyết định số 72-QĐ/TW*); Quyết định số 110-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của thành phố Hải Phòng năm 2022 (sau đây gọi tắt là *Quyết định số 110-QĐ/BTCTW*); Quyết định số 25-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của thành phố Hải Phòng giai đoạn 2022-2026 (sau đây gọi tắt là *Quyết định số 25-QĐ/BTCTW*); Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Kết luận số 28-KL/TW; Kết luận số 40-KL/TW và Quy định số 70-QĐ/TW và Kế hoạch số 203-KH/TU ngày 06/12/2022 của Thành ủy về quản lý biên chế của thành phố Hải Phòng giai đoạn 2022-2026.

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng xây dựng Kế hoạch thực hiện tình giảm biên chế của thành phố Hải Phòng giai đoạn 2022-2026, cụ thể như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích:**

- Triển khai thực hiện các quy định của Trung ương về biên chế và tình giảm biên chế tại thành phố Hải Phòng đảm bảo đầy đủ, nghiêm túc.

- Thực hiện tình giảm biên chế của thành phố theo đúng chỉ đạo của Bộ Chính trị. Giai đoạn 2021-2026, toàn thành phố tình giảm 5% biên chế công chức và 10% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, để cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao chất lượng công chức, viên chức phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới.

##### **2. Yêu cầu**

- Các cơ quan, địa phương, đơn vị phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, tổ chức đảng cùng cấp tổ chức nghiên cứu, tăng cường quán triệt, nâng cao nhận thức, tạo

sự thống nhất ý chí và hành động trong các ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động, nhất là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện Kết luận số 28-KL/TW; Kết luận số 40-KL/TW; Quyết định số 72-QĐ/TW.

- Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị trực thuộc trong quá trình thực hiện tinh giản biên chế và kết quả thực hiện tinh giản biên chế trong đơn vị được giao quản lý.

- Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường quản lý biên chế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, đảm bảo hoàn thành mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đề ra.

- Tập trung đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa trong việc cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công; nâng cao năng lực quản trị của đơn vị sự nghiệp công lập; hoàn thiện cơ chế tài chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

## II. NỘI DUNG VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

### 1. Biên chế công chức

#### 1.1. Biên chế giao năm 2022, 2023

Năm 2022, thành phố Hải Phòng được Bộ Nội vụ giao **2.865** biên chế công chức, bằng số biên chế giao năm 2021 (Quyết định số 1009/QĐ-BNV ngày 29/9/2021 của Bộ Nội vụ).

Năm 2023, thành phố Hải Phòng thực hiện giao **2.829** biên chế công chức, giảm **36** biên chế so với số giao năm 2022 do thực hiện tinh giản biên chế.

#### 1.2. Tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026

##### a) Chỉ đạo của Bộ Chính trị

Tại Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị ban hành về tổng biên chế của cả hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026; yêu cầu giai đoạn 2022-2026, tiếp tục giảm 5% biên chế công chức hành chính của thành phố Hải Phòng, đến năm 2026 còn **2.722** biên chế, giảm **143** biên chế so với biên chế được giao năm 2022.

##### b) Nguyên tắc thực hiện

Căn cứ yêu cầu, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Tổ chức Trung ương và Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026; trên cơ sở rà soát cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế và tình hình thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, địa phương, đơn vị, giai đoạn 2022-2026, Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện tinh giản biên chế công chức hành chính theo nguyên tắc sau:

(1) Đảm bảo tinh giản 5% biên chế công chức của thành phố tại các cơ quan, địa phương theo đúng chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 40-KL/TW ngày

18/7/2022 về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của cả hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026.

(2) Đối với các cơ quan, địa phương đã giao biên chế nhưng không sử dụng, sau khi đăng ký nhu cầu tuyển dụng, tiếp nhận công chức năm 2022 mà số chưa sử dụng nhiều hơn 02 biên chế sẽ thực hiện cắt giảm để còn dư tối đa là 02 biên chế (Công văn số 4822/UBND-KSTTHC ngày 18/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức theo chỉ tiêu biên chế giao năm 2022).

Số biên chế cắt giảm được thực hiện điều chỉnh, bổ sung theo lộ trình, nguyên tắc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc và đặc thù lĩnh vực, địa phương có tính phức tạp.

(3) Sau khi giảm biên chế, số còn lại chưa đảm bảo quy định về tổ chức bộ máy thì tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy đảm bảo phù hợp theo quy định.

(4) Ngoài việc thực hiện tinh giản biên chế theo nguyên tắc trên, tiếp tục thực hiện cắt giảm đối với các cơ quan, địa phương có biên chế được giao chưa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc và mặt bằng chung của thành phố (thực hiện theo Kế hoạch biên chế hàng năm).

#### ***c) Thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026***

(1) Dự kiến nguồn thực hiện tinh giản cho giai đoạn 2022-2026: **231** biên chế, gồm:

- Số nghỉ hưu: Từ năm 2022 đến năm 2025, thành phố có **120** người nghỉ hưu theo quy định (tuy nhiên, tại các cơ quan, địa phương phải thực hiện tinh giản chỉ có 98 người nghỉ hưu).

- Số biên chế được giao nhưng các cơ quan, địa phương chưa sử dụng (tính đến tháng 11/2022): **82** biên chế.

- Số biên chế thực hiện sắp xếp cơ cấu tổ chức của các cơ quan, địa phương năm 2022 thành phố chưa sử dụng: **29** biên chế.

(2) Tổng thực tế cắt giảm tại các cơ quan, địa phương cho giai đoạn 2022-2026: **153** biên chế, gồm:

- **121** biên chế thực tế cắt giảm được tại các cơ quan, địa phương theo lộ trình.

- **31** biên chế tại các cơ quan, địa phương đã giao biên chế nhưng không sử dụng, sau khi đăng ký nhu cầu tuyển dụng, tiếp nhận công chức năm 2022 mà số chưa sử dụng nhiều hơn 02 biên chế thì thực hiện cắt giảm, để còn dư tối đa là 02 biên chế.

- **01** biên chế phục vụ giảm không giao bổ sung.

(3) Số biên chế của thành phố năm 2026: **2.722** biên chế (bằng số Bộ Chính trị giao tại Quyết định số 72-QĐ/TW); giảm **143** biên chế so với năm 2022 do

thực hiện tinh giản biên chế. Số biên chế thực hiện sắp xếp cơ cấu tổ chức của các cơ quan, địa phương là **39** biên chế.

Năm 2023, đã thực hiện tinh giản 1,25% so với biên chế giao năm 2022: **36** biên chế. Số biên chế còn phải thực hiện tinh giản là 3,75%: **107** biên chế. Từ năm 2024, 2025 mỗi năm giảm **36** biên chế, năm 2026 giảm **35** biên chế.

\* Số biên chế công chức của thành phố chưa bao gồm số biên chế công chức tiếp nhận từ khối đảng sau khi dừng thí điểm mô hình theo Thông báo kết luận số 16-TB/TW ngày 07/7/2022 của Bộ Chính trị về thực hiện một số mô hình thí điểm theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

*(Chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo).*

## **2. Biên chế sự nghiệp**

### **2.1. Biên chế giao năm 2022, 2023**

Năm 2022, thành phố được Bộ Nội vụ giao **32.469** người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, giảm 663 người so với năm 2021, đạt tỷ lệ 2% (Công văn số 6043/BNV-TCBC ngày 27/11/2021 của Bộ Nội vụ).

Năm 2023, thành phố Hải Phòng giao **32.073** người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước (giảm **663** người so với năm 2022, đạt tỷ lệ 2% và tăng **267** người được Bộ Chính trị giao bổ sung biên chế giáo viên do tăng lớp, tăng học sinh năm học 2022-2023)

### **2.2. Tinh giản biên chế sự nghiệp giai đoạn 2022-2026**

#### **a) Chỉ đạo của Bộ Chính trị:**

Ngày 18/7/2022, Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 72-QĐ/TW về tổng biên chế của cả hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026; theo đó, giai đoạn 2022-2026, thành phố giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách, đến năm 2026 còn **29.819** biên chế, giảm **3.313** biên chế so với số được giao năm 2021 (33.132).

#### **b) Nguyên tắc thực hiện**

Giai đoạn 2022-2026, thực hiện tinh giản biên chế trên cơ sở thực hiện chuyển biên chế hưởng lương ngân sách sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp như sau:

(1) Thực hiện cắt giảm biên chế hưởng lương ngân sách đối với đơn vị thực hiện tự chủ tài chính, cụ thể:

- Chuyển 100% biên chế hưởng lương ngân sách đối với đơn vị chuyển sang tự chủ chi thường xuyên hoặc tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư.

- Chuyển biên chế hưởng lương ngân sách đối với đơn vị tự chủ một phần chi thường xuyên theo mức % tự chủ tài chính (theo Quyết định số 725/QĐ-UBND

ngày 08/3/2022 của UBND thành phố) so với biên chế được giao năm 2022. Trường hợp biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đã vượt mức % quy định, thì giữ nguyên biên chế hưởng lương ngân sách đã giao.

(2) Tiếp tục xây dựng phương án tự chủ tài chính và tổ chức thực hiện việc chuyển đổi cơ chế tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

(3) Thực hiện chuyển đổi cơ chế tự chủ tài chính đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo, đảm bảo đến năm 2026 giảm 8% biên chế hưởng lương ngân sách của ngành, tập trung vào các địa bàn đô thị, có điều kiện phát triển và thực hiện xã hội hóa, trong đó:

- Khối quận, huyện:

+ Giảm tối thiểu 10% biên chế so với số giao năm 2021 tại các quận trung tâm (Hồng Bàng, Ngô Quyền, Lê Chân, Hải An).

+ Giảm tối thiểu 8% biên chế so với biên chế giao năm 2021 tại các quận còn lại (Đồ Sơn, Dương Kinh, Kiến An) và huyện Thủy Nguyên.

+ Giảm tối thiểu 5% biên chế so với số giao năm 2021 tại các huyện còn lại (trừ huyện đảo Cát Hải, Bạch Long Vĩ), gồm An Dương, An Lão, Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, Kiến Thụy.

- Bậc trung học phổ thông trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: Thực hiện chuyển đổi cơ chế tự chủ đối với 04 trường THPT (do Sở Giáo dục và Đào tạo lựa chọn, đề xuất), dự kiến đến năm 2026 giảm tối thiểu 436 biên chế sự nghiệp

### ***c) Thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026***

Năm 2022, 2023, thành phố đã thực hiện tinh giản 4% so với biên chế giao năm 2021: **1.326** biên chế (sự nghiệp giáo dục (631); sự nghiệp y tế (466); sự nghiệp khác (229)).

Số biên chế còn phải thực hiện tinh giản là 6%: **1.987** biên chế. Từ năm 2024, 2025 mỗi năm giảm **663** biên chế, năm 2026 giảm **661** biên chế.

(1) Dự kiến nguồn thực hiện tinh giản: **2.100** biên chế, gồm:

- Số biên chế đang tạm bố trí cho Liên hiệp các tổ chức hữu nghị: **01** biên chế.

- Số tinh giản tại các đơn vị: **2.099** biên chế; trong đó:

+ Năm 2024: **672** biên chế (gồm: y tế (594), khác (78)).

+ Năm 2025: **647** biên chế (giáo dục).

+ Năm 2026: **780** biên chế (giáo dục).

(2) Số biên chế sự nghiệp của thành phố năm 2026: **29.664** biên chế; giảm **3.313** biên chế so với năm 2021 do thực hiện tinh giản biên chế. Số biên chế thực hiện sắp xếp cơ cấu tổ chức của các cơ quan, địa phương là **155** biên chế.

\* Nguồn biên chế thực hiện tinh giản chưa tính số người hưởng lương từ ngân sách nhà nước chuyển sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tại đơn vị thực hiện chuyển đổi cơ chế tài chính phát sinh ngoài Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của UBND thành phố phân loại mức độ tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2026 của đơn vị sự nghiệp công lập khối thành phố.

\* Số biên chế dự kiến giao cho các đơn vị hàng năm chưa bao gồm số biên chế giáo viên được bổ sung giai đoạn 2022-2026 (năm học 2022-2023, được giao bổ sung 267 biên chế).

*(Chi tiết tại Biểu số 02 và 02A kèm theo)*

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Nội vụ**

- Trên cơ sở Kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026, xây dựng Đề án biên chế công chức hành chính, số người làm việc các năm tiếp theo, báo cáo Ban Cán sự đảng UBND thành phố trình Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định làm cơ sở để trình Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định.

- Thẩm định, tham mưu UBND thành phố phê duyệt đối tượng hưởng chính sách tinh giản biên chế theo quy định của Trung ương và thành phố.

- Tổng hợp kết quả tinh giản biên chế của các cơ quan, địa phương, đơn vị, báo cáo UBND thành phố trước ngày 10/12 hàng năm.

- Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, địa phương, đơn vị trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch.

#### **2. Sở Tài chính**

- Hướng dẫn các cơ quan, địa phương, đơn vị tính toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế và thẩm định kinh phí trợ cấp cho từng đối tượng cụ thể theo quy định.

- Chủ trì tham mưu rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách khuyến khích ưu đãi tạo điều kiện đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường và thúc đẩy xã hội hóa trong việc cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công trên địa bàn thành phố đảm bảo quy định.

- Hướng dẫn các cơ quan, địa phương, đơn vị xây dựng cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập ngay sau khi Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

#### **3. Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố**

- Tổ chức nghiên cứu, quán triệt nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất ý chí và hành động trong cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, công chức, viên

chức về tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 28-KL/TW; Kết luận số 40-KL/TW và Quyết định số 72-QĐ/TW.

- Trên cơ sở Kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026, xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026 tại cơ quan, đơn vị mình (bao gồm cơ quan, đơn vị trực thuộc). Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ) kết quả thực hiện tinh giản biên chế hàng năm.

- Rà soát đối tượng và đề nghị thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện việc kiện toàn, sắp xếp các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố và biên chế được giao hàng năm; rà soát, xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị; rà soát, phê duyệt Đề án vị trí việc làm, Đề án điều chỉnh vị trí việc làm theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố; quản lý biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị theo vị trí việc làm đã được phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn xây dựng phương án tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt gửi cơ quan tài chính cùng cấp tham gia ý kiến; tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án tự chủ của đơn vị và tổ chức triển khai thực hiện. Thực hiện chuyển đổi cơ chế tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo đúng quy định của pháp luật.

- Chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện xã hội hóa, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn để đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công, nhất là dịch vụ sự nghiệp giáo dục, có chính sách thuận lợi để thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia vào việc thành lập trường mầm non, phổ thông ngoài công lập ở những nơi có điều kiện.

- Đối với Ủy ban nhân dân quận, huyện ngoài các nhiệm vụ nêu trên thực hiện nội dung sau: Thực hiện việc sắp xếp các trường theo nguyên tắc tạo thuận lợi cho người dân và phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi địa phương, địa bàn cụ thể; bảo đảm định mức học sinh/lớp gắn với nâng cao chất lượng giáo dục ngay sau khi có hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo ngoài các nhiệm vụ nêu trên thực hiện nội dung sau: Đề xuất các chính sách đẩy mạnh việc tự chủ và xã hội hóa lĩnh vực sự nghiệp giáo dục nhất là xã hội hóa đối với các cấp học mầm non, tiểu học, THCS, THPT và cung ứng dịch vụ theo nhu cầu người học sau khi có hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ ngành Trung ương có liên quan.

Trong quá trình triển khai thực hiện, các cơ quan, địa phương, đơn vị có phát sinh vướng mắc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ) để xem xét, chỉ đạo.

Trên đây là Kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026 của thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các sở, ngành, địa phương, đơn vị triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ;
- TTTU, TT HĐND TP;
- Ban Tổ chức Thành ủy;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở, ngành thuộc UBND TP;
- UBND các quận, huyện;
- VP BCSD UBND TP;
- CVP, PCVP UBND TP T.V.Thiện;
- Các Phòng, đơn vị: KSTTHC, NCKTGS;  
HCTC, QTTV, TTHNNK, TTTTTH;
- CV: KSTTHC6;
- Lưu: VT. *VT*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Tùng**



**KẾ HOẠCH TÌNH GIẢM BIÊN CHẾ TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2022-2026**  
(Kèm theo Kế hoạch số 84 /KH-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương	BIÊN CHẾ NĂM 2022				NGUỒN THỰC HIỆN TÌNH GIẢM BIÊN CHẾ			Số biên chế tinh giảm theo chỉ tiêu 5%	SỐ BIÊN CHẾ CẮT TỪ CÁC SỞ, NGÀNH, QUẬN, HUYỆN			Biên chế giao năm 2026	Ghi chú
		Biên chế giao	Biên chế đến tháng 11/2022			BC chưa sử dụng (sau khi trừ đăng ký tuyển CC năm 2022)	Nghỉ hưu giai đoạn 2022-2025	Tổng số		Số BC thực tế cắt giảm được theo lộ trình	Số BC cắt về dự phòng do còn dư trên 02 BC sau khi trừ đăng ký tuyển dụng, tiếp nhận CC	Tổng số		
			Có mặt	BC chưa sử dụng	Dự kiến tuyển dụng/tiếp nhận									
A	B	I	2	3=1-2	4	5=1-2-4	6	7=5+6	8=1*5%	9	10	11=9+10	12=1-11	13
A	Sở, ban, ngành	1.544	1.441	103	60	43	76	119	79	70	16	86	1.460	
1	Văn phòng UBND thành phố	81	72	9	4	5	3	8	4	4		4	77	
2	Sở Ngoại vụ	26	26	0	0	0	1	1	1	1		1	25	
3	Sở Tư pháp	51	49	2	2	0	2	2	3	2		2	49	
4	Sở Tài chính	90	83	7	6	1	2	3	5	3		3	87	
5	Sở Nội vụ	82	73	9	7	2	4	6	4	4		4	78	
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	60	59	1	1	0	5	5	3	3		3	57	
7	Sở Khoa học và Công nghệ	56	53	3	3	0	3	3	3	3		3	53	
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	69	64	5	3	2	3	5	3	3		3	66	
9	Sở Lao động -Thương binh và Xã hội	81	78	3	2	1	1	2	4	2		2	79	

STT	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương	BIÊN CHẾ NĂM 2022				NGUỒN THỰC HIỆN TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ			Số biên chế tinh giản theo chỉ tiêu 5%	SỐ BIÊN CHẾ CẮT TỪ CÁC SỞ, NGÀNH, QUẬN, HUYỆN			Biên chế giao năm 2026	Ghi chú
		Biên chế giao	Biên chế đến tháng 11/2022			BC chưa sử dụng (sau khi trừ đăng ký tuyển CC năm 2022)	Nghỉ hưu giai đoạn 2022-2025	Tổng số		Số BC thực tế cắt giảm được theo lộ trình	Số BC cắt về dự phòng do còn dư trên 02 BC sau khi trừ đăng ký tuyển dụng, tiếp nhận CC	Tổng số		
			Có mặt	BC chưa sử dụng	Dự kiến tuyển dụng/tiếp nhận									
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1-2</i>	<i>4</i>	<i>5=1-2-4</i>	<i>6</i>	<i>7=5+6</i>	<i>8=1*5%</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11=9+10</i>	<i>12=1-11</i>	<i>13</i>
10	Sở Văn hóa và Thể thao	54	51	3	2	1	4	5	3	3		3	51	
11	Sở Du lịch	30	28	2	1	1	0	1	2	1		1	29	
12	Sở Thông tin và Truyền thông	31	29	2	1	1	2	3	2	2		2	29	
13	Sở Y tế	75	67	8	2	6	7	13	4	4	4	8	67	
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	92	81	11	6	5	2	7	5	4	3	7	85	
15	Sở Công Thương	63	54	9	8	1	3	4	3	3		3	60	
16	Sở Giao thông vận tải	103	98	5	0	5	5	10	5	5	2	7	98	Trong đó: Văn phòng Ban ATGT TP giữ nguyên biên chế để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, không thực hiện TGBC
17	Sở Xây dựng	140	132	8	3	5	11	16	7	7	3	10	130	
18	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	224	211	13	7	6	10	16	11	12	4	16	208	- Tổng số cắt giảm đã bao gồm 01 BC trong 05 BC phải cắt giảm do tổ chức lại Chi cục Phát triển nông thôn - 04 BC còn lại (chưa tính trong tổng số BC phải cắt giảm) sẽ tiếp tục giảm khi giảm số công chức có mặt - Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới giữ nguyên biên chế để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, không thực hiện TGBC
19	Thanh tra thành phố	42	42	0	0	0	7	7	2	2		2	40	

STT	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương	BIÊN CHẾ NĂM 2022				NGUỒN THỰC HIỆN TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ			Số biên chế tính giản theo chỉ tiêu 5%	SỐ BIÊN CHẾ CẮT TỪ CÁC SỞ, NGÀNH, QUẬN, HUYỆN			Biên chế giao năm 2026	Ghi chú
		Biên chế giao	Biên chế đến tháng 11/2022			BC chưa sử dụng (sau khi trừ đăng ký tuyển CC năm 2022)	Nghỉ hưu giai đoạn 2022-2025	Tổng số		Số BC thực tế cắt giảm được theo lộ trình	Số BC cắt về dự phòng do còn dư trên 02 BC sau khi trừ đăng ký tuyển dụng, tiếp nhận CC	Tổng số		
			Có mặt	BC chưa sử dụng	Dự kiến tuyển dụng/tiếp nhận									
A	B	I	2	3=1-2	4	5=1-2-4	6	7=5+6	8=1*5%	9	10	11=9+10	12=1-11	13
20	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	51	49	2	2	0	1	1	3	1		1	50	
21	Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND thành phố	43	42	1	0	1	0	1	2	1		1	42	
B	Quận, huyện	1.227	1.131	96	56	40	44	84	62	51	15	66	1.161	Chưa bao gồm biên chế tiếp nhận từ khối đăng sau khi dừng thi điểm hợp nhất theo Thông báo kết luận số 16-TB/TW
1	Hồng Bàng	84	80	4	3	1	0	1	4	1		1	83	
2	Ngô Quyền	100	89	11	7	4	0	4	5	2	2	4	96	
3	Lê Chân	102	95	7	6	1	3	4	5	4		4	98	
4	Kiến An	79	78	1	0	1	8	9	4	4		4	75	
5	Hải An	87	84	3	3	0	1	1	4	1		1	86	
6	Đồ Sơn	79	71	8	5	3	2	5	4	4	1	5	74	
7	Dương Kinh	76	63	13	7	6	3	9	4	4	4	8	68	
8	An Lão	71	64	7	4	3	4	7	4	4	1	5	66	
9	An Dương	72	65	7	5	2	4	6	4	4		4	68	
10	Kiến Thụy	71	69	2	0	2	1	3	4	3		3	68	
11	Thủy Nguyên	111	104	7	2	5	4	9	6	6	3	9	102	
12	Tiên Lãng	89	84	5	1	4	2	6	4	4	2	6	83	
13	Vĩnh Bảo	96	86	10	6	4	6	10	5	5	2	7	89	
14	Cát Hải	87	78	9	7	2	6	8	4	4		4	83	

STT	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương	BIÊN CHẾ NĂM 2022				NGUỒN THỰC HIỆN TÌNH GIẢM BIÊN CHẾ			Số biên chế tinh giản theo chỉ tiêu 5%	SỐ BIÊN CHẾ CẮT TỪ CÁC SỞ, NGÀNH, QUẬN, HUYỆN			Biên chế giao năm 2026	Ghi chú
		Biên chế giao	Biên chế đến tháng 11/2022			BC chưa sử dụng (sau khi trừ đăng ký tuyển CC năm 2022)	Nghỉ hưu giai đoạn 2022-2025	Tổng số		Số BC thực tế cắt giảm được theo lộ trình	Số BC cắt về dự phòng do còn dư trên 02 BC sau khi trừ đăng ký tuyển dụng, tiếp nhận CC	Tổng số		
			Có mặt	BC chưa sử dụng	Dự kiến tuyển dụng/tiếp nhận									
A	B	I	2	3=I-2	4	5=I-2-4	6	7=5+6	8=I*5%	9	10	11=9+10	12=I-11	13
15	Bạch Long Vĩ	23	21	2	0	2	0	2	1	1		1	22	
C	HĐND quận, huyện	46	46										46	Giao ổn định các năm, không thực hiện tinh giản BC
D	Biên chế phục vụ (tại sở, ngành, quận, huyện)	19	19									1	18	Có người giảm thì không tuyển dụng thay thế
I	Phân bổ (A+B+C+D)	2.836	2.637	199	116	83	120	203	141	121	31	153	2.685	
II	Biên chế thực hiện sắp xếp cơ cấu tổ chức của các cơ quan, địa phương	29						29	2				37	
	TỔNG CỘNG (I+II)	2.865	2.637	199	116	83	120	232	143	121	31	153	2.722	

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**KẾ HOẠCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2022-2026**  
(Kèm theo Kế hoạch số 84 /KH-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

**Biểu số 2**

TT	Tên đơn vị	Số biên chế sự nghiệp được giao năm 2021	Số biên chế sự nghiệp được giao năm 2022	Số phải thực hiện TGBC giai đoạn 2022-2026	Số biên chế đã tính giảm năm 2022	Số biên chế đã tính giảm năm 2023	Số biên chế thực hiện tính giảm giai đoạn 2024-2026			Biên chế thực hiện năm 2026	Ghi chú	
							Tổng số	Trong đó				
								Năm 2024	Năm 2025			Năm 2026
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1*10%</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=7+8+9</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10=2-5-6</i>	<i>11</i>
A	Sự nghiệp giáo dục	26.249	25.469	2.625	-780	0	-1.427	0	-647	-780	24.042	
1	Giáo dục chuyên nghiệp	482	350	48	-132		0				350	
2	Giáo dục Mầm non	7.413	7.206	741	-207		-661		-326	-335	6.545	
3	Giáo dục Tiểu học	8.522	8.364	852	-158		-330		-140	-190	8.034	
4	Giáo dục THCS	6.746	6.502	675	-244		0				6.502	
5	Giáo dục THPT	2.773	2751	277	-22		-436		-181	-255	2.315	
6	GDNN-GDTX	313	296	31	-17		0				296	
B	Sự nghiệp BHXH	474	459	47	-15	0	0	0	0	0	459	
C	Sự nghiệp Y tế	6.160	4.953	495	-1	-466	-594	-594	0	0	3.893	

TT	Tên đơn vị	Số biên chế sự nghiệp được giao năm 2021	Số biên chế sự nghiệp được giao năm 2022	Số phải thực hiện TGBC giai đoạn 2022-2026	Số biên chế đã tinh giản năm 2022	Số biên chế đã tinh giản năm 2023	Số biên chế thực hiện tinh giản giai đoạn 2024-2026				Biên chế thực hiện năm 2026	Ghi chú
							Tổng số	Trong đó				
								Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026		
D	Sự nghiệp VH TDTT	397	415	40	18	0	-25	-25	0	0	390	
Đ	Sự nghiệp Nông nghiệp	361	360	37	-7	0	-39	-39	0	0	321	Năm 2022, tiếp nhận 06 BC từ Trạm Khuyến ngư - nông nghiệp Cát Hải về Chi cục Chăn nuôi và Thú y
E	Sự nghiệp TNMT	238	136	14	-3	-9	0	0	0	0	127	
G	Sự nghiệp còn lại	518	490	50	-22	-44	-14	-14	0	0	432	
1	TT Thông tin và Phát triển đối ngoại	5	5	1	0		0				5	
2	TT Hội nghị và Nhà khách thành phố	13	13	1	0	-13	0				0	Tự chủ TX năm 2023
3	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Dịch vụ việc làm Khu Kinh tế HP	11	9	1	-2		0				9	Đơn vị thuộc diện sắp xếp
4	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp	19	19	2	0		0				19	
5	Trung tâm Tư vấn đầu thầu Hải Phòng	5	5	1	0	-5	0				0	Chuyển sang ĐV tự chủ chi TX
6	SN thuộc Chi cục Văn thư - Lưu trữ	8	8	1	0		0				8	
7	Tổng đội TNXP 13 - 5	7	7	1	0		0				7	Sắp xếp đơn vị
8	Tổng đội Thanh niên xung phong HP	25	23	3	-2		0				23	
9	Cảng vụ đường thủy nội địa Hải Phòng	25	27	3	2		0				27	Tự chủ 10%
10	Trung tâm Thông tin, thống kê KH&CN	26	25	3	-1		0				25	
11	Viện Quy hoạch	37	36	4	-1	-26	0				10	Tự chủ 70%

TT	Tên đơn vị	Số biên chế sự nghiệp được giao năm 2021	Số biên chế sự nghiệp được giao năm 2022	Số phải thực hiện TGBC giai đoạn 2022-2026	Số biên chế đã tinh giảm năm 2022	Số biên chế đã tinh giảm năm 2023	Số biên chế thực hiện tinh giảm giai đoạn 2024-2026				Biên chế thực hiện năm 2026	Ghi chú
							Tổng số	Trong đó				
								Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026		
12	Trung tâm Thông tin tin học thuộc Văn phòng UBND thành phố	11	11	1	0		0				11	Sắp xếp hoặc chuyển đổi cơ chế tài chính vì không đủ người tối thiểu theo quy định
13	Trung tâm Thông tin và Truyền thông thuộc Sở TT&TT	14	14	1	0		-14	-14			0	Tự chủ TX năm 2023
14	Trung tâm Trợ giúp pháp lý	22	22	2	0		0				22	
15	Sự nghiệp Văn hóa -TT&TT, SN khác thuộc quận huyện	290	266	28	-18	0	0	0	0	0	266	
-	Trung tâm VH TT&TT quận Hồng Bàng	8	10	1	2		0				10	
-	Trung tâm VH TT&TT quận Ngô Quyền	10	10	1	0		0				10	
-	Trung tâm VH TT&TT quận Lê Chân	10	10	1	0		0				10	
-	Trung tâm VH TT&TT quận Kiến An	32	26	3	-6		0				26	
-	Trung tâm VH TT&TT quận Hải An	14	14	1	0		0				14	
-	Trung tâm VH TT&TT quận Đồ Sơn	14	14	1	0		0				14	
-	Trung tâm VH TT&TT quận Dương Kinh	8	8	1	0		0				8	
-	Trung tâm VH TT&TT huyện An Dương	19	17	2	-2		0				17	
-	Trung tâm VH TT&TT huyện An Lão	19	18	2	-1		0				18	
-	Trung tâm VH TT&TT huyện Kiến Thụy	21	18	2	-3		0				18	
-	Trung tâm VH TT&TT huyện Thủy Nguyên	35	32	4	-3		0				32	

TT	Tên đơn vị	Số biên chế sự nghiệp được giao năm 2021	Số biên chế sự nghiệp được giao năm 2022	Số phải thực hiện TGBC giai đoạn 2022-2026	Số biên chế đã tinh giảm năm 2022	Số biên chế đã tinh giảm năm 2023	Số biên chế thực hiện tinh giảm giai đoạn 2024-2026				Biên chế thực hiện năm 2026	Ghi chú
							Tổng số	Trong đó				
								Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026		
-	Trung tâm VH TT&TT huyện Tiên Lãng	22	20	2	-2		0				20	
-	Trung tâm VH TT&TT huyện Vĩnh Bảo	19	18	2	-1		0				18	
-	Sự nghiệp thuộc huyện Cát Hải	30	22	2	-2		0				22	Năm 2022, điều chỉnh BC của Trạm Khuyến ngư - nông nghiệp Cát Hải về Chi cục Chăn nuôi và Thú y do sắp xếp
-	Sự nghiệp thuộc huyện Bạch Long Vĩ	29	29	2	0		0				29	
I	Tổng phân bổ (A+B+C+D+Đ+E+G)	34.397	32.282	3.309	-810	-519	-2.099	-672	-647	-780	29.664	
II	Biên chế thực hiện sắp xếp cơ cấu tổ chức của các đơn vị	0	186	4		-186					154	
III	Biên chế tạm bố trí cho Liên hiệp các tổ chức hữu nghị để thực hiện công tác cán bộ		1				-1			-1	1	Trường hợp nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác thì sẽ chuyển lại biên chế để thực hiện sắp xếp cơ cấu tổ chức
	Số BC thực hiện tinh giảm hàng năm				-663	-663	-1987	-663	-663	-661		Tổng BC phải thực hiện tinh giảm cả giai đoạn 2022-2026: 3.313 BC
	<b>TỔNG CỘNG (I+II+III)</b>	34.397	32.469	3.313	-810	-705	-2.100	-672	-647	-781	29.819	



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

KẾ HOẠCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN, HUYỆN GIAI ĐOẠN 2022-2026

(Kèm theo Kế hoạch số 84 /KH-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Biểu số 2a

TT	Tên đơn vị, địa phương	Số biên chế sự nghiệp được giao năm 2021	Biên chế sự nghiệp được giao năm 2022	Số phải thực hiện TGBC giai đoạn 2022-2026	Số biên chế đã tính giảm năm 2022	Số biên chế thực hiện tính giảm giai đoạn 2023-2026					Biên chế thực hiện năm 2026	Ghi chú
						Tổng số	Trong đó					
							Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026		
A	B	1	2	3=1*10%	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10=2-5	11
1	Quận Hồng Bàng	1.199	1.175	120	-24	-100	0	0	-70	-30	1.075	
	- Mầm non	369	353	37	-16	-30				-30	323	
	- Tiểu học	478	478	48	0	-70			-70		408	
	- THCS	352	344	35	-8						344	
2	Quận Ngô Quyền	1.382	1.370	138	-12	-126	0	0	-56	-70	1.244	
	- Mầm non	366	357	37	-9	-56			-56		301	
	- Tiểu học	557	557	56	0	-70				-70	487	
	- THCS	459	456	46	-3						456	
3	Quận Lê Chân	1.811	1.789	181	-22	-160	0	0	-110	-50	1.629	
	- Mầm non	450	436	45	-14	-90			-40	-50	346	
	- Tiểu học	686	686	69	0	-70			-70		616	
	- THCS	675	667	68	-8						667	
4	Quận Hải An	1.017	1.007	102	-10	-92	0	0	-32	-60	915	
	- Mầm non	268	264	27	-4	-32			-32		232	
	- Tiểu học	418	417	42	-1	-60				-60	357	
	- THCS	331	326	33	-5						326	
5	Quận Kiến An	1.035	1.004	104	-31	-52	0	0	-52	0	952	
	- Mầm non	315	304	32	-11	-52			-52		252	

Kg

TT	Tên đơn vị, địa phương	Số biên chế sự nghiệp được giao năm 2021	Biên chế sự nghiệp được giao năm 2022	Số phải thực hiện TGBC giai đoạn 2022-2026	Số biên chế đã tinh giảm năm 2022	Số biên chế thực hiện tinh giảm giai đoạn 2023-2026				Biên chế thực hiện năm 2026	Ghi chú	
						Tổng số	Trong đó					
							Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025			Năm 2026
	- Tiểu học	393	385	39	-8	0				385		
	- THCS	327	315	33	-12					315		
6	Quận Đồ Sơn	569	547	57	-22	-24	0	0	-24	0	523	
	- Mầm non	203	196	20	-7	-24			-24		172	
	- Tiểu học	210	205	21	-5	0					205	
	- THCS	156	146	16	-10						146	
7	Quận Dương Kinh	633	614	63	-19	-32	0	0	-32	0	582	
	- Mầm non	208	203	21	-5	-32			-32		171	
	- Tiểu học	241	240	24	-1	0					240	
	- THCS	184	171	18	-13						171	
8	Quận Thủy Nguyên	4.259	4.136	426	-123	-187	0	0	-90	-97	3.949	
	- Mầm non	1.538	1.490	154	-48	-127			-90	-37	1.363	
	- Tiểu học	1.578	1.541	158	-37	-60				-60	1.481	
	- THCS	1.143	1.105	114	-38						1.105	
9	Huyện An Lão	1.849	1.796	185	-53	-40	0	0	0	-40	1.756	
	- Mầm non	627	602	63	-25	-40				-40	562	
	- Tiểu học	692	676	69	-16	0					676	
	- THCS	530	518	53	-12						518	
10	Huyện An Dương	2.122	2.078	212	-44	-62	0	0	0	-62	2.016	
	- Mầm non	713	711	71	-2	-62				-62	649	
	- Tiểu học	782	765	78	-17	0					765	
	- THCS	627	602	63	-25						602	
11	Huyện Kiến Thụy	1.761	1.713	176	-48	-40	0	0	0	-40	1.673	
	- Mầm non	583	562	58	-21	-40				-40	522	

TT	Tên đơn vị, địa phương	Số biên chế sự nghiệp được giao năm 2021	Biên chế sự nghiệp được giao năm 2022	Số phải thực hiện TGBC giai đoạn 2022-2026	Số biên chế đã tinh giảm năm 2022	Số biên chế thực hiện tinh giảm giai đoạn 2023-2026				Biên chế thực hiện năm 2026	Ghi chú	
						Tổng số	Trong đó					
							Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025			Năm 2026
	- Tiểu học	670	660	67	-10	0				660		
	- THCS	508	491	51	-17					491		
12	Huyện Tiên Lãng	2.079	2.001	208	-78	-36	0	0	0	-36	1.965	
	- Mầm non	726	707	73	-19	-36				-36	671	
	- Tiểu học	780	754	78	-26	0					754	
	- THCS	573	540	57	-33						540	
13	Huyện Vĩnh Bảo	2.402	2.302	240	-100	-40	0	0	0	-40	2.262	
	- Mầm non	877	859	88	-18	-40				-40	819	
	- Tiểu học	864	827	86	-37	0					827	
	- THCS	661	616	66	-45						616	
14	Huyện Cát Hải	554	531	55	-23	0	0	0	0	0	531	
	- Mầm non	167	159	17	-8						159	
	- Tiểu học	167	167	17	0						167	
	- THCS	220	205	22	-15						205	
15	Huyện Bạch Long Vĩ	9	9	1	0	0	0	0	0	0	9	
	- Mầm non	3	3	0	0						3	
	- Tiểu học	6	6	1	0	0					6	
	<b>TỔNG</b>	<b>22.681</b>	<b>22.072</b>	<b>2.268</b>	<b>-609</b>	<b>-991</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-466</b>	<b>-525</b>	<b>21.081</b>	
-	Mầm non	7.413	7.206	741	-207	-661	0	0	-326	-335	6.545	
-	Tiểu học	8.522	8.364	852	-158	-330	0	0	-140	-190	8.034	
-	THCS	6.746	6.502	675	-244	0	0	0	0	0	6.502	